

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC**  
**KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

Từ ngày thành lập Ngành đến nay, công tác thống kê nhà nước luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, coi trọng. Thông tin thống kê đã trở thành công cụ quan trọng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý đất nước và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. Cùng với sự phát triển của đất nước, công tác thống kê nhà nước không ngừng trưởng thành và đã đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, do nhận thức chưa đầy đủ nên có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức, chưa phát huy hết vai trò, vị trí của hoạt động thống kê.

Báo cáo công tác thống kê nhà nước nhằm đánh giá kết quả đã đạt được sau hơn 75 năm xây dựng và phát triển; xác định các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm; chỉ ra những hạn chế, tồn tại để nâng cao nhận thức, trách nhiệm; tăng cường kỷ luật kỷ cương, hiệu lực hiệu quả của hoạt động thống kê nhà nước trong thời gian tới.

**I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Vị trí, vai trò của công tác thống kê nhà nước đã được khẳng định qua kết quả hoạt động của hệ thống thống kê tập trung (Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), thống kê bộ, ngành ở Trung ương và thống kê sở, ngành, thống kê cấp xã ở địa phương.

**1. Công tác thống kê tập trung ngày càng được hoàn thiện về thể chế; kiện toàn về tổ chức và nguồn lực; hoạt động và thông tin thống kê được nâng cao cả về số lượng và chất lượng**

***1.1. Văn bản pháp luật về thống kê ngày càng được hoàn thiện***

Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế được chú trọng và tăng cường tạo thuận lợi cho hoạt động thống kê tập trung. Theo thời gian, nhiều văn bản pháp lý quan trọng được Quốc hội, Chính phủ ban hành tạo nên tảng quan trọng để củng cố, xây dựng và phát triển hệ thống thống kê tập trung.

- Pháp lệnh Kế toán và Thống kê ban hành năm 1988 là công cụ quan trọng quy định đảm bảo cung cấp thông tin cho hoạt động thống kê đầy đủ, kịp thời, thống nhất ở các cấp, các ngành, các địa phương.

- Luật Thống kê số 04/2003/QH11 được ban hành năm 2003 đưa Việt Nam trở thành một trong số các quốc gia trên thế giới có Luật Thống kê.

- Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ban hành năm 2015 tiếp tục bổ sung hành lang pháp lý làm cơ sở để hoạt động thống kê tuân thủ các nguyên tắc cơ

bản của thống kê chính thức với hệ thống thống kê nhà nước được tổ chức chặt chẽ, bao trùm rộng khắp.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 01/2021/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.

- Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

## ***1.2. Tổ chức, bộ máy và nhân lực tiếp tục được kiện toàn, củng cố***

a) Tổ chức bộ máy của hệ thống thống kê tập trung (Tổng cục Thống kê) được quy định tại Luật Thống kê số 89/2015/QH13 đảm bảo sự tập trung, thống nhất về chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức hoạt động thống kê trên cả nước.

Tổng cục Thống kê được tổ chức theo ngành dọc gồm ba cấp: cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Cấp Trung ương (cơ quan Tổng cục Thống kê) gồm 13 Vụ, Văn phòng Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê và 05 đơn vị sự nghiệp; cấp tỉnh gồm các Cục Thống kê tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp huyện gồm các Chi cục Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Thống kê khu vực.

b) Nhân lực trong hệ thống thống kê tập trung tiếp tục được củng cố về chất lượng.

Đến nay, tổng số biên chế công chức, viên chức được giao của Tổng cục Thống kê là 5.806 người, có mặt là 5.166 người, trong đó nữ 2.675 người (chiếm 51,8% tổng số). Số nhân lực tại cơ quan Tổng cục Thống kê 499 người (bao gồm 234 người của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc), tại cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh 1.761 người và tại Chi cục Thống kê cấp huyện có 2.906 người.

Công chức, viên chức thống kê được đào tạo cơ bản với 4.925 người có trình độ đại học và trên đại học, chiếm 95,3% tổng số công chức, viên chức hiện có (cụ thể: 14 tiến sỹ, 772 thạc sỹ và 4.139 đại học). Trong đó, được đào tạo đúng chuyên ngành thống kê có 7 tiến sỹ (chiếm 50% trong tổng số tiến sỹ), 107 thạc sỹ (chiếm 13,9% trong tổng số thạc sỹ) và 794 đại học (chiếm 19,2% trong tổng số đại học).

Gần một nửa số công chức, viên chức ngành Thống kê trong độ tuổi 30-40 với 2.545 người (chiếm 49,3% tổng số). Độ tuổi 41-50 có 1.602 người (chiếm 31%); trên 51 tuổi có 731 người (chiếm 14,1%) và dưới 30 tuổi có 288 người (chiếm 5,6%).

Tổ chức bộ máy và nhân sự ngành Thống kê được kiện toàn; đảm bảo sự tập trung, thống nhất, chuyên nghiệp và chuyên môn hoá và có sự phân công, phối hợp nhịp nhàng giữa hệ thống thống kê tập trung và thống kê bộ, ngành.

*(Chi tiết xem Phụ lục 1 đính kèm)*

### ***1.3. Nhiệm vụ chuyên môn được thực hiện nghiêm túc, bài bản với quy trình và phân công cụ thể từ hoạt động thu thập, tổng hợp, xử lý đến công bố, lưu trữ thông tin thống kê***

(1) Hoạt động thu thập thông tin thực hiện thông qua 3 hình thức: Điều tra thống kê, khai thác dữ liệu hành chính và chế độ báo cáo thống kê.

*Hoạt động điều tra thống kê* triển khai với sự phân công, phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Trong 50 cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia<sup>1</sup>, Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện 35 cuộc điều tra thống kê (chiếm 70%). Trong đó, 3 cuộc Tổng điều tra được quy định trong Luật Thống kê: Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; Tổng điều tra kinh tế.

Tổng cục Thống kê đã chủ động, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong điều tra thống kê. Đặc biệt, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đã ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các khâu thu thập, tổng hợp, xử lý, kiểm tra, giám sát, công bố và lưu giữ thông tin. Từ đó rút ngắn một nửa thời gian xử lý và tiết kiệm kinh phí hàng trăm tỷ đồng so với các kỳ Tổng điều tra trước.

*Khai thác dữ liệu hành chính* được triển khai trong nhiều năm thông qua việc chia sẻ dữ liệu về đăng ký kinh doanh của Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), dữ liệu quản lý thuế của Tổng cục Thuế với cơ quan thống kê từ Trung ương đến địa phương. Khai thác dữ liệu hành chính đã giúp cắt giảm 25% kinh phí, đồng thời giảm gánh nặng cung cấp thông tin. Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê đã tiếp nhận báo cáo của Tổng cục Hải quan, Cục Đầu tư nước ngoài, các bộ, ngành liên quan để biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, quý và năm.

Tổng cục Thống kê đang tiếp tục nghiên cứu dữ liệu các tờ khai thuế nhằm tổng hợp, biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tần suất nhanh (tháng, quý) về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, dữ liệu hành chính về quản lý dân cư, dữ liệu hộ tịch, dữ liệu bảo hiểm và dữ liệu y tế, giáo dục... sẽ tiếp tục được nghiên cứu sử dụng trong hoạt động thống kê.

*Chế độ báo cáo thống kê* được thực hiện theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê. Thực hiện các văn bản nêu trên, các bộ, ngành và các đơn vị trong Ngành định kỳ gửi báo cáo về Tổng cục Thống kê.

Công tác thu thập thông tin thống kê dần chuyển đổi theo xu hướng của thế giới: giảm dần điều tra, tăng cường khai thác sử dụng dữ liệu từ hồ sơ hành chính

<sup>1</sup> Chương trình điều tra thống kê quốc gia được ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

thông qua xây dựng, kết nối và chia sẻ dữ liệu dùng chung dựa trên khoa học dữ liệu, khoa học thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin.

(2) Thông tin thống kê kinh tế - xã hội được công bố và cung cấp đầy đủ theo lịch phổ biến thông tin thống kê với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, chất lượng được nâng cao.

*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm được nâng cao về chất lượng, nhận được sự quan tâm, sử dụng của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân.*

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, quý và cả năm là tài liệu quan trọng phục vụ các phiên họp thường kỳ của Chính phủ và UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Báo cáo phản ánh kịp thời, đúng thời hạn, độ tin cậy ngày càng được nâng cao. Nội dung và hình thức của báo cáo liên tục được cập nhật, đổi mới với các phân tích, đánh giá những điểm nổi bật theo ngành, lĩnh vực, qua từng tháng, từng quý và cả năm; phản ánh sát diễn biến kinh tế - xã hội của đất nước và quốc tế. Đặc biệt, thời gian gần đây đã kịp thời bổ sung thông tin, số liệu về đại dịch Covid-19 giúp lãnh đạo các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành kịp thời, linh hoạt và hiệu quả.

Những năm gần đây, cơ quan thống kê ở Trung ương và ở nhiều địa phương đã xây dựng và thường xuyên cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế, góp phần gia tăng giá trị của báo cáo thống kê hằng quý và hằng năm. Đặc biệt, thông tin, báo cáo thống kê đã được biên soạn và sử dụng kịp thời trong xây dựng kịch bản phục hồi kinh tế và hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch Covid-19.

*Thông tin thống kê đã phục vụ hữu ích cho xây dựng văn kiện Đại hội, đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.*

Phục vụ Đại hội XIII của Đảng, Tổng cục Thống kê được giao chủ trì phối hợp với các bộ, ngành biên soạn bộ maket số liệu thống kê gồm 1.941 chỉ tiêu với 141 biểu số liệu, trong đó Tổng cục Thống kê chủ trì biên soạn 1.605 chỉ tiêu với 108 biểu số liệu; 21 bộ, ngành chủ trì biên soạn 336 chỉ tiêu tương ứng 33 biểu số liệu để đánh giá, tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thống kê xây dựng ma-két về số liệu quốc tế, bao gồm các số liệu về tình hình kinh tế - xã hội của các quốc gia ASEAN và 4 nền kinh tế lớn của thế giới là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc để phục vụ việc so sánh số liệu của Việt Nam với các nước.

Các Cục Thống kê, Chi cục Thống kê biên soạn báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cuối kỳ và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đầu kỳ phục vụ cấp ủy và chính quyền các cấp ở địa phương.

*Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2010-2015 đã được Bộ Chính trị phê duyệt, đang tiếp tục được cập nhật, bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.*

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan đã biên soạn Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2011-2015. Báo cáo quan trọng này được Bộ Chính trị phê duyệt, cho phép phát hành và sử dụng nội bộ. Đến nay, dự thảo Báo cáo giai 2016-2020 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ để tiếp tục rà soát, hoàn thiện và trình Bộ Chính trị trong thời gian tới.

*Các báo cáo phân tích chuyên đề, chuyên sâu được đông đảo tổ chức, cá nhân tin tưởng, sử dụng.*

Báo cáo đánh giá tác động biến động giá theo các kịch bản điều chỉnh giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý như giá dịch vụ giáo dục, giá điện sinh hoạt và tác động của thay đổi giá xăng dầu phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Chính phủ, cung cấp số liệu phục vụ lập quy hoạch tổng thể quốc gia và xây dựng dự toán kinh phí trong dự án, công trình lớn, trọng điểm.

Các chuyên đề phân tích và dự báo do Tổ Phân tích và Dự báo thống kê của Tổng cục Thống kê thực hiện ngày càng được nâng cao về chất lượng và nhận được sự quan tâm, đánh giá cao của người sử dụng. Cụ thể các chuyên đề: Tăng trưởng các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2011-2017 được sử dụng làm tài liệu trong cuộc họp thường trực Chính phủ về Vùng kinh tế trọng điểm; Năng suất lao động và giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng năng suất lao động của Việt Nam là tài liệu chính trong Hội nghị Cải thiện năng suất lao động quốc gia do Thủ tướng Chính phủ chủ trì; Báo cáo Đánh giá lại quy mô GDP giai đoạn 2010-2017 được Bộ Chính trị thông qua và sử dụng cho xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo...

Công tác phân tích và dự báo thống kê ở địa phương ngày càng đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều báo cáo, chuyên đề phân tích, dự báo của các Cục Thống kê đã trở thành nguồn thông tin quan trọng phục vụ kịp thời các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

*Niên giám thống kê và các ấn phẩm thống kê khác được biên soạn theo nhiệm vụ, thời gian quy định, đảm bảo về số lượng và chất lượng.*

Thực hiện Luật Thống kê, hàng năm Tổng cục Thống kê đã biên soạn Niên giám thống kê cả nước bảo đảm chất lượng, đúng thời gian quy định. Tại các Cục Thống kê, ấn phẩm Niên giám thống kê cấp tỉnh, cấp huyện được xuất bản đúng kế hoạch, với chất lượng ngày càng nâng cao.

Năm 2021, bên cạnh Niên giám Thống kê, Tổng cục Thống kê đã phát hành 25 ấn phẩm, trong đó có một số ấn phẩm quan trọng như: Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2021, Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam năm 2021, Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2016-2020, các ấn phẩm chuyên đề,

chuyên sâu được biên soạn, công bố từ kết quả của 03 cuộc Tổng điều tra và điều tra thường xuyên. Các ấn phẩm này đã cung cấp thông tin phong phú, đa dạng phản ánh mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội và môi trường, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước.

*Công tác phổ biến thông tin thống kê được thực hiện dưới nhiều hình thức, đổi mới về nội dung và cách thức thực hiện.*

Công bố báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng trên các trang thông tin điện tử của Ngành; Hộp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội, lao động việc làm hàng quý được cơ quan Tổng cục Thống kê thực hiện thường xuyên, định kỳ là hoạt động được nhiều tổ chức, cá nhân, các cơ quan thông tấn, báo chí quan tâm, tham dự và đưa tin. Tại địa phương, 6 tháng và cả năm các Cục Thống kê đã tổ chức hộp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh đó, các thông tin, hoạt động thống kê được cập nhật hằng ngày, hằng giờ trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê, Tạp chí Con số và Sự kiện và Viện Khoa học Thống kê<sup>2</sup>. Tổng cục Thống kê đã phối hợp với Quỹ Dân số Liên hợp quốc và các đối tác xây dựng Trang thông tin điện tử Hệ thống dữ liệu không gian dân số và phát triển vào tháng 12 năm 2021<sup>3</sup>. Trang thông tin điện tử riêng của 58 Cục Thống kê cũng đã được sử dụng để công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê nhiều nhất và kịp thời nhất. **1.4. Điều phối hoạt động Thống kê được thực hiện tích cực, nhất là trong xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê**

Thực hiện chức năng điều phối hoạt động thống kê, Tổng cục Thống kê đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và hướng dẫn thực hiện nhiều văn bản quy phạm pháp luật về thống kê:

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.
- Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; chế độ báo cáo ngành Thống kê.
- Chương trình điều tra thống kê quốc gia.
- Các danh mục: Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân; Danh mục nghề nghiệp Việt Nam; Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam; Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam; Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam; bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của hộ gia đình Việt Nam.
- Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030; bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam; bộ chỉ tiêu phát triển giới quốc gia; quy

<sup>2</sup> Trang thông tin của Tổng cục Thống kê phiên bản mới được đưa vào vận hành tháng 8 năm 2020, hiện có 2,4 triệu lượt truy cập (tăng 1,8 triệu lượt truy cập so với cùng thời điểm năm trước); Trang thông tin của Tạp chí Con số và Sự kiện, đưa vào vận hành từ tháng 9/2019, có hơn 5,9 triệu lượt truy cập, tăng 3,4 triệu lượt; Trang thông tin điện tử của Viện Khoa học Thống kê, đưa vào vận hành năm 2012, đạt gần 9 triệu lượt truy cập, tăng 0,7 triệu lượt.

<sup>3</sup> Trang dữ liệu điện tử được xây dựng dựa trên thông tin bản đồ nền với tọa độ địa lý của các hộ dân cư và các thông tin về dân số, dân tộc, một số chỉ tiêu kinh tế, xã hội liên quan trong giai đoạn 2016-2020 được đánh giá hết sức hữu ích cho việc sử dụng, tích hợp và phân tích dữ liệu trực quan.

định năm gốc so sánh để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh; hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số; hệ thống chỉ tiêu thống kê logistics.

- Thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ đối với chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, các phương án điều tra thống kê thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, ngành, địa phương bảo đảm tính thống nhất, không trùng lặp trong thực hiện.

- Lần đầu tiên Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, thời gian qua Tổng cục Thống kê thể hiện vai trò điều phối thông qua việc ký kết 11 quy chế thỏa thuận với ban, bộ, ngành và trường Đại học nhằm tăng cường kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, hỗ trợ nâng cao phương pháp luận thống kê và phối hợp trong hoạt động thống kê.

### ***1.5. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam lần thứ hai cùng nhiều đề án lớn của Ngành đã được ban hành và nghiêm túc triển khai thực hiện***

*Chủ động, tích cực xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam.*

Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 là chiến lược đầu tiên được ban hành, thực hiện và tổng kết đánh giá. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đang được khẩn trương xây dựng kế hoạch và khung giám sát, đánh giá để triển khai thực hiện.

*Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã khắc phục cơ bản sự khác biệt giữa số liệu GDP ở Trung ương và GRDP ở địa phương.*

Thực hiện Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), theo Quyết định 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2017, hàng năm Tổng cục Thống kê tính toán số liệu GRDP theo 6 tháng và cả năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gửi các Cục Thống kê báo cáo Ủy ban nhân dân để làm căn cứ cho việc điều hành, quản lý của lãnh đạo địa phương. Năm 2021, để đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ cho công tác điều hành của Chính phủ và các địa phương, bên cạnh việc biên soạn GRDP theo 6 tháng và năm, Tổng cục Thống kê đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương biên soạn số liệu GRDP theo quý phục vụ cho yêu cầu điều hành nhanh và cập nhật thường xuyên hơn của Trung ương và địa phương.

*Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát (Đề án NOE) được thực hiện nhằm đánh giá đầy đủ và toàn diện hơn các hoạt động kinh tế theo tiêu chuẩn và hướng dẫn của quốc tế phù hợp với thực tiễn của nước ta.*

Tổng cục Thống kê đã hoàn thành báo cáo kết quả thực hiện Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát năm 2020 trình Bộ trưởng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục thực hiện các nội dung công việc liên quan tới Đề án này, Tổng cục Thống kê đang tiến hành xây dựng Danh mục hoạt động kinh tế và Hệ thống chỉ tiêu nguồn thông tin đầu vào phục vụ đo lường khu vực NOE; tiếp tục biên soạn số liệu khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản tự tiêu hộ gia đình năm 2019, 2020 theo kế hoạch của Đề án.

Để đẩy mạnh đo lường hoạt động kinh tế chưa được quan sát, với sự hỗ trợ của Văn phòng Ma túy và Tội phạm Liên hợp quốc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép tham gia dự án “Đo lường các dòng tài chính bất hợp pháp”, giúp đo lường về buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã.

*Đề án ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 501) nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê nhà nước.*

Triển khai Đề án 501, Tổng cục Thống kê đã xây dựng và trình Bộ trưởng phê duyệt các Dự án:

- Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử.
- Xây dựng và vận hành kho dữ liệu đặc tả thống kê và hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô.

Các dự án này nhằm tạo lập nền tảng công nghệ thông tin để hình thành, thiết lập hệ thống thông tin thống kê quốc gia; cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất phục vụ cho chỉ đạo, điều hành thống nhất từ Trung ương đến địa phương và cung cấp tốt nhất, hiệu quả nhất cho doanh nghiệp và người dân.

### ***1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế về thống kê ngày càng sâu, rộng và hiệu quả***

Thời gian qua, Thống kê Việt Nam tham gia có trách nhiệm nhiều hoạt động thống kê quốc tế, qua đó nâng cao vị thế, vai trò của Thống kê Việt Nam với cộng đồng thống kê thế giới và khu vực, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Hiện nay, Thống kê Việt Nam là thành viên và hợp tác chặt chẽ với hàng chục tổ chức quốc tế và thống kê khu vực<sup>4</sup>. Hoạt động hợp tác song phương được duy trì, thúc đẩy và nâng lên tầm cao mới. Bên cạnh hoạt động hợp tác với các đối tác truyền thống như Cơ quan Thống kê Lào, Cơ quan Thống kê Campuchia, Thống kê Việt Nam đã tích cực mở rộng hợp tác với các quốc gia có trình độ

---

<sup>4</sup> Thống kê Việt Nam hiện là thành viên và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc (UNSC), Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP), Viện Thống kê châu Á - Thái Bình Dương (SIAP), Hiệp hội Tổng điều tra quốc gia và Thống kê liên khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Hoa Kỳ (ANCSDAAP), Chương trình cải thiện Thống kê kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (RPES), Hiệp hội quốc tế về thống kê chính thức (IAOS), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Tham gia các nhóm công tác của các tổ chức quốc tế như: UNSC, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO); Tổ chức Y tế thế giới (WHO)...



thống kê tiên tiến, hiện đại. Tổng cục Thống kê đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác song phương với Cơ quan Thống kê các nước: Liên bang Nga, Hung-ga-ri, Hàn Quốc, Mông Cổ, Nhật Bản, Hà Lan, I-ta-li-a... nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Bên cạnh đó, Thống kê Việt Nam còn cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan thống kê quốc gia trong khu vực châu Á như Băng-la-đét, Xri Lan-ca, Nê-pan, Man-đi-vơ, Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, ...

Thống kê Việt Nam luôn thể hiện cam kết mạnh mẽ, trách nhiệm cao trong việc duy trì sự ổn định và phát triển của thống kê khu vực và cộng đồng thống kê thế giới. Điều này được thể hiện rõ nét trong năm 2020 khi Thống kê Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về thống kê. Theo đó, Việt Nam đã đề xuất sáng kiến xây dựng Báo cáo đầu kỳ và Cổng cơ sở dữ liệu trực tuyến các chỉ tiêu SDG của ASEAN và nhận được thống nhất cao của các quốc gia thành viên. Thống kê Việt Nam đã phối hợp với Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) tổ chức thành công Lễ công bố Báo cáo này vào ngày 23/10/2020 và đã nhận được đánh giá cao của cộng đồng Thống kê cũng như các Tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển.

Năm 2021, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 toàn cầu và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, công tác hợp tác quốc tế tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch thông qua việc tham dự 173 Hội nghị/hội thảo quốc tế trực tuyến.

Để tăng cường năng lực thống kê, Tổng cục Thống kê đã nhận được hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế như: Dự án hỗ trợ kỹ thuật Hỗ trợ Việt Nam cải thiện chất lượng số liệu thống kê chính thức” do Chính phủ Đan Mạch tài trợ; Dự án “Hỗ trợ Tổng cục Thống kê cải thiện chất lượng số liệu thống kê chính thức, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia và đào tạo cán bộ” do Cơ quan Thống kê Hàn Quốc tài trợ; “Dự án hỗ trợ kỹ thuật về đo lường các dòng tài chính bất hợp pháp khu vực châu Á - Thái Bình Dương” do UNODC tài trợ...

### ***1.7. Cơ sở hạ tầng và kinh phí cho hoạt động thống kê được quan tâm, hỗ trợ tại Trung ương và địa phương; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành góp phần xây dựng Chính phủ điện tử.***

Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất giúp hoạt động thống kê ngày càng được tăng cường. Trụ sở làm việc của cơ quan Tổng cục Thống kê được xây dựng khang trang, hiện đại, đáp ứng được nhu cầu sử dụng trước mắt và lâu dài. Nhiều trụ sở của các Cục Thống kê và Chi cục Thống kê được đầu tư xây dựng khang trang, sạch đẹp.

Kinh phí cho các hoạt động của hệ thống thống kê tập trung được bố trí từ Ngân sách nhà nước, bao gồm: Kinh phí định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy của các cơ quan thống kê tập trung, các nhiệm vụ thường xuyên, kinh phí tiền lương... và kinh phí cho các nhiệm vụ đặc thù, hoạt động điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê. Trên cơ sở dự toán được giao, toàn ngành Thống kê đã nỗ lực, bám sát tình hình thực tế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cải tiến năng suất lao động từ đó đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Việc điều hành, quản lý và sử dụng ngân sách được giao đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện đúng chế độ tài chính, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Song song với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, công tác quản lý, điều hành đã ứng dụng triệt để công nghệ thông tin giúp nâng cao hiệu quả quản lý của Ngành, liên tục được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xếp trong top 6 đơn vị dẫn đầu của Bộ về chuyển đổi số. Đến nay, hệ thống hợp trực tuyến với tổng số 341 điểm cầu trên toàn quốc, kết nối từ cấp Trung ương đến 63 Cục Thống kê, các đơn vị sự nghiệp trong Ngành và 270 Chi cục Thống kê cấp huyện đã hỗ trợ triển khai công tác thống kê trong toàn Ngành thông suốt, hiệu quả đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Tóm lại, kết quả hoạt động của hệ thống thống kê tập trung khá tích cực và toàn diện trên các lĩnh vực là động lực thúc đẩy hoạt động thống kê nhà nước phát triển và hội nhập.

## **2. Công tác thống kê bộ, ngành đã đóng góp tích cực vào kết quả chung của hoạt động thống kê nhà nước**

Hoạt động thống kê bộ, ngành được ghi nhận và tổng hợp từ báo cáo của 23 bộ, ngành<sup>5</sup> với các nội dung về thể chế hoá các văn bản pháp luật thống kê; tổ chức bộ máy và các nguồn lực; thực hiện chuyên môn thống kê; phối hợp trong công tác thống kê; tham gia thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn về Thống kê.

### **2.1. Hoạt động thể chế hóa các văn bản pháp luật về thống kê được hầu hết các bộ, ngành chú trọng thực hiện**

Xác định rõ tầm quan trọng của công tác thống kê, thời gian qua các bộ, ngành đã chú trọng xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành phù hợp với Luật Thống kê làm cơ sở thu thập số liệu đáp ứng nhu cầu thông tin của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo bộ, ngành.

Trên cơ sở thông tin thu thập được, các bộ, ngành đã tổng hợp, công bố đầy đủ hoặc một phần 77 chỉ tiêu thống kê quốc gia trong tổng số 79 chỉ tiêu được phân công (chiếm 97,5%) (*Chi tiết tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 đính kèm*).

### **2.2. Nhiều bộ, ngành đã quan tâm, thành lập tổ chức và bố trí nhân lực thực hiện hoạt động thống kê**

Thực hiện Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ, nhiều bộ, ngành đã quan tâm, thành lập tổ chức thống kê riêng. Đến nay, có 12/23 bộ, ngành đã thành lập tổ chức thống kê từ cấp phòng trở lên; 11/23 bộ, ngành chưa thành lập tổ chức thống kê nhưng có công chức làm công tác thống kê kiêm nhiệm<sup>6</sup>.

<sup>5</sup> Danh sách các bộ, ngành gửi báo cáo gồm: Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Ủy ban Dân tộc; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bảo hiểm xã hội Việt Nam và 18 Bộ.

<sup>6</sup> Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc; Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Trong số 12 bộ, ngành đã thành lập tổ chức thống kê có:

- 10 bộ, ngành thành lập phòng thống kê<sup>7</sup>;
- 2 bộ, ngành thành lập Vụ, Cục: Vụ Dự báo, thống kê (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao).

Riêng Bộ Tài chính, ngoài Phòng Thống kê thuộc Cục Tin học và Thống kê Tài chính thực hiện công tác thống kê chung của Bộ, còn có tổ chức thống kê tại các đơn vị trực thuộc.

Tổng số công chức làm công tác thống kê tại 23 bộ, ngành là 181 người (93 công chức chuyên trách; 88 công chức kiêm nhiệm) với 100% công chức có trình độ đại học trở lên. Tổng số viên chức làm công tác thống kê tại 3 bộ<sup>8</sup> là 26 người (14 viên chức chuyên trách; 12 viên chức kiêm nhiệm) với 100% viên chức có trình độ đại học trở lên.

### ***2.3. Nhiệm vụ chuyên môn thống kê được nhiều bộ, ngành thực hiện khá đầy đủ và hiệu quả***

Trong những năm qua, công tác thống kê của các bộ, ngành đã đóng góp quan trọng trong việc cung cấp thông tin giúp Lãnh đạo nắm bắt khá đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin thuộc lĩnh vực được phân công quản lý, đáp ứng yêu cầu của công tác chỉ đạo, điều hành ở Trung ương và địa phương. Nhiệm vụ chuyên môn về thống kê được các bộ, ngành thực hiện với các hoạt động về xây dựng cơ sở dữ liệu, thu thập, công bố và phổ biến thông tin thống kê chuyên ngành. Cụ thể:

(1) Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ, ngành: Đa số các bộ, ngành đã xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành nội bộ, đồng thời chia sẻ dữ liệu với Chính phủ và các cơ quan có liên quan<sup>9</sup>.

(2) Các bộ, ngành tổ chức thu thập thông tin dưới các hình thức khác nhau để cập nhật thường xuyên biến động của ngành, lĩnh vực. Bên cạnh khai thác thông tin từ chế độ báo cáo, hồ sơ hành chính, các bộ, ngành chịu trách nhiệm xây dựng phương án và tổ chức thực hiện 15 cuộc điều tra thống kê trong tổng số 50 cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Đến nay, đã thực

<sup>7</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công an; Bộ Công Thương; Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế.

<sup>8</sup> Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.

<sup>9</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình đăng ký kinh doanh, đầu tư nước ngoài và đầu thầu; Bộ Tài chính xây dựng Hệ thống thông tin thống kê tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ sở dữ liệu đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê tiền tệ, ngân hàng...

hiện 6 cuộc điều tra<sup>10</sup>. Bốn cuộc điều tra đến kỳ nhưng không thực hiện do các chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn từ các cuộc điều tra này đã được khai thác thông tin từ điều tra khác do Tổng cục Thống kê thực hiện.

(3) Công tác cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được bộ, ngành tăng cường thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Nhiều bộ, ngành đã xây dựng và công bố Lịch phổ biến thông tin thống kê; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động phổ biến thông tin thống kê, hình thức phổ biến ngày càng đa dạng, phong phú đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các đối tượng dùng tin. Đến nay hầu hết các bộ, ngành đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử giúp người dùng tin tiếp cận nhanh chóng và thuận lợi hơn<sup>11</sup>.

#### ***2.4. Công tác phối hợp trong hoạt động thống kê của các bộ, ngành với Tổng cục Thống kê ngày càng hiệu quả***

Việc hợp tác, phối hợp trong công tác thống kê ngày càng hiệu quả. Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành đã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng, triển khai Luật Thống kê và các văn bản thi hành, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam, các đề án lớn của ngành Thống kê. Hầu hết bộ, ngành thực hiện tốt việc cung cấp, phổ biến thông tin thống kê về tình hình phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý cho Tổng cục Thống kê thông qua hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo thống kê. Đặc biệt, trong 2 năm 2020-2021, các bộ, ngành đã phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thống kê trong việc xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế theo từng quý cùng với các giải pháp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ làm căn cứ để chỉ đạo, điều hành nền kinh tế trong bối cảnh tác động của dịch Covid-19 xuất hiện và ảnh hưởng tiêu cực chưa từng có trong tiền lệ.

Hoạt động trao đổi nghiệp vụ giữa Tổng cục Thống kê và thống kê bộ, ngành được tăng cường, thực hiện thường xuyên hơn. Nhiều bộ, ngành đã phối hợp với Tổng cục Thống kê tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thống kê.

<sup>10</sup> Sáu cuộc điều tra gồm: Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện; Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp và Điều tra thống kê thương mại điện tử do Bộ Công Thương thực hiện; Điều tra cơ sở hành chính do Bộ Nội vụ thực hiện; Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ; Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện.

<sup>11</sup> Bộ Tài chính công khai các thông tin, số liệu về ngân sách Nhà nước và nợ công trên trang thông tin điện tử của Bộ; Tổng cục Hải quan công bố thông tin xuất, nhập khẩu hàng hóa; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố thông tin về thị trường chứng khoán. Bộ Thông tin và Truyền thông cập nhật thường xuyên số liệu thuê bao điện thoại, thuê bao internet, đồng thời đăng tải Sách trắng Công nghệ thông tin - Truyền thông hằng năm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bên cạnh việc điện tử hóa trong chia sẻ, cung cấp thông tin, báo cáo giữa các đơn vị trong ngành đã tích cực công bố thông tin liên quan đến lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, cán cân thanh toán quốc tế trên Trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. Một số đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư như Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh công bố định kỳ thông tin về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài, việc thành lập, tạm ngừng và giải thể doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Để tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê và Bộ, ngành và ngược lại, đến nay đã có 9 ban, bộ, ngành<sup>12</sup> ký Quy chế phối hợp với Tổng cục Thống kê. Với sự quan tâm của Lãnh đạo bộ, ngành trong chỉ đạo thực hiện các Quy chế đã ký kết, công tác phối hợp, chia sẻ thông tin với Tổng cục Thống kê được nâng lên rõ rệt, đặc biệt là sự hợp tác, phối hợp ngày càng hiệu quả giữa Tổng cục Thống kê với một số bộ, ngành như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thuế.

### ***2.5. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn về thống kê được các bộ, ngành thực hiện đầy đủ***

Nhìn chung các bộ, ngành đều thực hiện đầy đủ các nội dung theo Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn đến năm 2030; tham gia xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2030 tầm nhìn đến năm 2045, từ đó nâng cao năng lực thống kê cho bộ, ngành trong dài hạn.

Thực hiện Đề án 501 các bộ, ngành đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê thông qua việc xây dựng Chế độ báo cáo thống kê điện tử, Hệ thống phần mềm các cuộc điều tra thống kê, Cơ sở dữ liệu thống kê, chia sẻ, kết nối dữ liệu thống kê với giữa đơn vị, đồng thời chuẩn bị liên thông với Hệ thống báo cáo quốc gia. Với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác thống kê, việc thu thập, xử lý, công bố và phổ biến số liệu thống kê tại các Bộ, ngành ngày càng hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian cập nhật dữ liệu, tiết kiệm nhân lực và chi phí<sup>13</sup>.

### **3. Công tác thống kê tại địa phương thể hiện qua việc chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động thống kê tại các sở, ban, ngành ở cấp tỉnh; phòng, ban ở cấp huyện và hoạt động thống kê cấp xã**

Công tác thống kê được nhiều tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ; củng cố tổ chức, nhân lực làm công tác thống kê; thực hiện nhiệm vụ

<sup>12</sup> Gồm: Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thuế, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam. Riêng Bộ Tài chính đã ký Quy chế phối hợp, trao đổi thông tin dữ liệu với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong đó có thông tin thống kê.

<sup>13</sup> (1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đầu tư và hoàn thành dự án “Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành”, trong đó có xây dựng các cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ công tác chỉ đạo; dự án “Xây dựng, nâng cấp hệ thống thư viện điện tử ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” nhằm kết hợp cung cấp, phổ biến thông tin thống kê; (2) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai hệ thống báo cáo mới hỗ trợ công tác kiểm tra, rà soát tự động nhằm giảm thiểu sai sót; xây dựng kho dữ liệu theo thông lệ các Ngân hàng Trung ương đang sử dụng; triển khai phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu của Điều tra xu hướng kinh doanh, Điều tra kỳ vọng lạm phát; (3) Bộ Tài chính xây dựng Đề án Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đầu tư xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng của Bộ phục vụ công tác lưu trữ dữ liệu, thống nhất mô hình thông tin và cơ sở dữ liệu trong toàn Ngành; (4) Tòa án Nhân dân tối cao đã xây dựng phần mềm về Chế độ báo cáo thống kê; (5) Ủy ban Dân tộc xây dựng phần mềm báo cáo chế độ thống kê công tác dân tộc, ứng dụng gửi báo cáo qua Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của Ủy ban.

chuyên môn; tăng cường phối hợp, phân công thực hiện; tham gia thực hiện Chiến lược phát triển thống kê, các đề án lớn và hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động thống kê.

### ***3.1. Công tác thống kê tại địa phương được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện***

Thông tin thống kê nhà nước là cơ sở để Lãnh đạo Đảng và Chính quyền các cấp ở địa phương hoạch định chính sách, thực hiện chỉ đạo điều hành, giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tại nhiều địa phương, công tác thống kê được Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND tỉnh, thành phố) quan tâm chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện.

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, Cục Thống kê đã tham mưu giúp UBND tỉnh, thành phố ban hành các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ triển khai Luật Thống kê, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, các cuộc Tổng điều tra thống kê... trên địa bàn. Bên cạnh đó, để tăng cường toàn diện công tác thống kê, nhiều địa phương đã ban hành Chỉ thị nhằm nâng cao nhận thức và quán triệt để thống nhất triển khai thực hiện công tác thống kê tại địa phương như: Yên Bái, Hà Giang, Hòa Bình, Thái Nguyên, Quảng Nam...

Triển khai Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã<sup>14</sup>, các UBND tỉnh, thành phố đã tổ chức các lớp tập huấn để triển khai đồng thời ban hành quyết định quy định các biểu mẫu báo cáo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh để giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành liên quan thực hiện. Đồng thời, giao Cục Thống kê chủ trì triển khai, hướng dẫn cho các sở, ban, ngành thực hiện theo đúng biểu mẫu và nội dung các chỉ tiêu. Các sở, ngành từng bước chủ động thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu được phân công. Đến nay, các địa phương cơ bản bảo đảm việc thu thập, công bố đầy đủ chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

### ***3.2. Nhân lực thống kê ở địa phương được bố trí tại các sở, ngành và các xã, phường, thị trấn***

Nhân lực thực hiện công tác thống kê trên địa bàn cấp tỉnh ngoài công chức làm công tác thống kê tại Cục Thống kê và Chi cục Thống kê còn phải kể đến:

(1) Công chức, viên chức thực hiện công tác thống kê tại các sở, ngành. Lực lượng này chủ yếu là kiêm nhiệm.

Theo báo cáo của UBND tỉnh, thành phố, trong tổng số 2.378 công chức làm công tác thống kê tại sở, ngành và tương đương, trong đó chủ yếu là kiêm nhiệm, với 2.211 công chức (chiếm 92,98%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 98,73%; chỉ có 167 công chức chuyên trách công tác thống kê (chiếm 7,02%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 97%.

<sup>14</sup> Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ban hành theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg gồm 110 chỉ tiêu cấp tỉnh, 40 chỉ tiêu cấp huyện và 16 chỉ tiêu cấp xã.

Trong tổng số 1.212 viên chức làm công tác thống kê tại sở, ngành và tương đương có 1.071 viên chức kiêm nhiệm (chiếm 88,37%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 88,08%; 141 viên chức chuyên trách (chiếm 11,12%), trong đó trình độ từ đại học trở lên chiếm 83% (*Chi tiết tại Phụ lục 4, Phụ lục 5 đính kèm*).

(2) Biên chế công chức văn phòng - thống kê ở cấp xã. Công chức này phải thực hiện hai nhiệm vụ là công tác văn phòng của UBND và công tác thống kê trên địa bàn. Nhìn chung, cán bộ phụ trách công tác thống kê cấp xã đều có trình độ và tinh thần trách nhiệm. Theo báo cáo của UBND tỉnh, thành phố, trong tổng số 10.569 công chức văn phòng - thống kê cấp xã làm công tác thống kê, trong đó người có trình độ đại học trở lên là 9.016 người, chiếm 84,95% (*Chi tiết tại Phụ lục 6 đính kèm*).

### **3.3. Tổ chức, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thống kê trong sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị với cơ quan thống kê**

a) Công tác bảo đảm thông tin thống kê được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên

UBND tỉnh, thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê để tổ chức tốt việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra thuộc chương trình điều tra thống kê quốc gia, kế hoạch điều tra hàng năm của Tổng cục Thống kê và của UBND từ đó biên soạn, cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo địa phương.

Thực hiện Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ban hành theo Quyết định số 715/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2017 đến nay, chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) do Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố. Nhìn chung, các sở, ngành đã phối hợp tốt với Cục Thống kê rà soát số liệu trên địa bàn để tính toán chỉ tiêu GRDP và phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Hoạt động phổ biến thông tin thống kê tại địa phương thực hiện theo đúng quy định trong Luật Thống kê dưới các hình thức linh hoạt, phù hợp

Căn cứ Luật Thống kê và hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh, thành phố, Cục Thống kê xây dựng và ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê hàng năm nhằm công khai thời gian, hình thức công bố, giúp người dùng tin chủ động trong tiếp cận, sử dụng hiệu quả thông tin thống kê.

Hình thức phổ biến thông tin thống kê ngày càng phong phú, đa dạng. Cùng với các ấn phẩm in trên giấy, thông tin thống kê trên địa bàn còn được phổ biến qua Trang thông tin điện tử của Cục Thống kê, bảng Led điện tử, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố, trang thông tin điện tử Sở Thông tin và Truyền thông và một số sở, ngành khác.

### ***3.4. Công tác phối hợp, chia sẻ, cung cấp thông tin thống kê luôn được Tổng cục Thống kê và Lãnh đạo địa phương chú trọng, ban hành quy định, quyết định hướng dẫn thực hiện***

Nhằm nâng cao chất lượng công tác thống kê trên địa bàn, lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố đã ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ, phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các sở, ngành với Cục Thống kê và ngược lại để thực hiện các nhiệm vụ chung của Thống kê Việt Nam.

Trên cơ sở các quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê ký với các bộ, ngành, nhiều Cục Thống kê đã ký quy chế chia sẻ thông tin với sở, ngành như: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Công Thương; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Thông tin và Truyền thông; Thuế; Bảo hiểm xã hội và Bưu điện tỉnh.

Việc ký quy chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê đã góp phần từng bước bảo đảm tính thống nhất giữa số liệu của Cục Thống kê và số liệu của các sở, ban, ngành địa phương, nâng cao hiệu quả, chất lượng số liệu thống kê. Đồng thời, việc ký kết các quy chế, một số Cục Thống kê đã khai thác, sử dụng nguồn lực của các sở, ngành trong thu thập thông tin như: Huy động điều tra viên là nhân viên bưu điện, giáo viên tham gia trong điều tra và tổng điều tra thống kê.

### ***3.5. Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn của ngành Thống kê được các địa phương tham gia xây dựng, thực hiện và đánh giá công tác triển khai thực hiện***

Thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện, với mục tiêu bảo đảm đến năm 2025 tất cả các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã đều được thu thập tổng hợp, phổ biến theo nội dung và kỳ công bố quy định, bảo đảm ngày càng nâng cao chất lượng, đảm bảo tính phù hợp, tính chính xác, tính kịp thời... Đồng thời, UBND tỉnh, thành phố đã tổng kết, phối hợp, góp ý với Tổng cục Thống kê trong xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

UBND tỉnh, thành phố đã chỉ đạo tham gia thực hiện các đề án lớn như: Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu GRDP; Đề án 501. Nhờ đó, công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ, phục vụ công tác thống kê trên địa bàn. Ví dụ, UBND tỉnh Quảng Nam đã xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS) đây là hợp phần quan trọng trong các hệ thống của Trung tâm Điều hành thông minh của Tỉnh (IOC Quảng Nam). Hệ thống này đã tiến hành cập nhập các thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các chỉ tiêu thống kê khác phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của địa phương.

### ***3.6. Cơ sở vật chất cho công tác thống kê được nhiều địa phương quan tâm, hỗ trợ***

Ngoài nguồn kinh phí chủ yếu từ Ngân sách Trung ương cho các hoạt động thống kê tập trung, nhiều địa phương đã hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động thống



kê trên địa bàn thông qua việc cấp đất, hỗ trợ kinh phí xây dựng trụ sở, mua sắm máy tính của Cục Thống kê và Chi cục Thống kê.

Tóm lại, với sự cố gắng, nỗ lực cao, Thống kê Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận với bảy nội dung chủ yếu: (1) Hoàn thiện thể chế, các văn bản pháp luật về thống kê; (2) Mô hình tổ chức của Tổng cục Thống kê được kiện toàn từ Trung ương tới địa phương, tổ chức thống kê tại bộ, ngành, địa phương được hình thành và củng cố; (3) Trình độ năng lực của người làm công tác thống kê ngày càng được nâng cao; (4) Công tác chuyên môn luôn được nghiêm túc triển khai thực hiện với kết quả tích cực; (5) Hoạt động điều phối thống kê được thực hiện có hiệu quả, giúp công tác thống kê được triển khai thống nhất, đồng bộ, toàn diện từ Trung ương đến địa phương; (6) Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án lớn về thống kê được triển khai toàn diện trên phạm vi cả nước; (6) Hoạt động hợp tác quốc tế về thống kê được mở rộng theo hướng hội nhập sâu rộng, góp phần nâng cao năng lực, vị thế của Thống kê Việt Nam; (7) Nguồn lực cho hoạt động thống kê được tăng cường đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

## **II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Hạn chế**

Mặc dù hệ thống văn bản pháp luật về thống kê đã tương đối hoàn thiện nhưng việc thực hiện chưa nghiêm dẫn tới hiệu lực, hiệu quả trong công tác thống kê chưa được như mong muốn. Tổ chức, bộ máy chưa đáp ứng việc phục vụ điều hành của cấp huyện (đặc biệt ở 02 thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh có số lượng doanh nghiệp và quy mô dân số mỗi huyện xấp xỉ quy mô của 01 tỉnh); nhân lực làm công tác thống kê còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn; công tác chuyên môn thống kê vẫn còn một số bất cập gây khó khăn trong công tác tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê; cơ sở hạ tầng và kinh phí cho hoạt động thống kê còn chưa được đầu tư tương ứng với nhu cầu ngày càng tăng về dữ liệu và sản phẩm thống kê; chưa có các chỉ tiêu thống kê phù hợp cho các thành phố lớn theo mô hình “thành phố trong Thành phố”.

Từ năm 2010 đến nay, theo bảng xếp hạng năng lực thống kê của Ngân hàng Thế giới, vị trí của Thống kê Việt Nam trong khu vực ASEAN đang tụt hạng trong những năm gần đây, từ thứ hạng 2 vào năm 2018 xuống thứ hạng 5 vào năm 2020, ngang bằng với Mi-an-ma, do hai chỉ số thành phần là chỉ số phương pháp luận thống kê và chỉ số tính định kỳ và kịp thời giảm điểm, tương ứng 20 điểm và 7 điểm.

#### **1.1. Tổ chức, bộ máy và nhân lực**

##### **a) Đối với hệ thống thống kê tập trung**

Thực hiện Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Thống kê đã tích cực triển khai thực hiện. Kết quả đã sáp nhập 425 phòng thuộc cơ quan Cục Thống kê cấp tỉnh, giảm được 110 phòng tương ứng giảm 220 lãnh đạo cấp phòng; sáp nhập 268 Chi cục Thống kê cấp

huyện để thành lập 131 Chi cục Thống kê khu vực, giảm 140 Chi cục tương đương giảm 280 lãnh đạo Chi cục. Tuy nhiên, tại các Chi cục Thống kê khu vực đã sáp nhập phát sinh những khó khăn, bất cập cần được phân tích, đánh giá để đảm bảo chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác thống kê tại cơ sở.

Nguồn nhân lực của thống kê cấp tỉnh và cấp huyện thiếu, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao. Nếu tính theo đơn vị hành chính (705 huyện, quận, thị xã, thành phố) biên chế bình quân là 4,5 người/Chi cục). Số biên chế này không đủ để thành lập Chi cục và không có đơn vị hành chính cấp huyện thuộc ngành dọc nào có biên chế bình quân thấp như vậy đối với 01 Chi cục.

#### b) Đối với thống kê bộ, ngành

Tổ chức thống kê tại bộ, ngành chưa được quan tâm đúng mức. Hiện còn 11 Bộ, ngành<sup>15</sup> chưa thành lập tổ chức thống kê theo quy định tại Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp, tính chính xác và kịp thời của số liệu thống kê.

Nhân lực làm thống kê còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê. Phần lớn công chức thực hiện công tác thống kê kiêm nhiệm, công việc được giao tản mạn ở nhiều lĩnh vực, không tập trung vào nghiệp vụ thống kê. Công tác thống kê đòi hỏi nhiều công sức và yêu cầu phối hợp chặt chẽ với nhiều đơn vị, tổ chức và cá nhân. Người làm công tác thống kê không ổn định, thường xuyên luân chuyển; phần lớn chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; chưa được hưởng chế độ phụ cấp theo nghề thống kê.

#### c) Đối với công tác thống kê sở, ngành và cấp xã

Chưa có quy định thống nhất đối với công tác thống kê tại các sở, ngành; người làm công tác thống kê tại đây chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê. Mặt khác, công chức, viên chức làm công tác thống kê của các sở, ngành thường xuyên thay đổi nên việc bàn giao thực hiện nhiệm vụ công tác thống kê đôi khi chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến chất lượng số liệu thống kê.

Công chức văn phòng - thống kê làm công tác thống kê tại các xã, phường, thị trấn chủ yếu dành thời gian cho công tác văn phòng, không bố trí được thời gian đi thu thập thông tin tại cơ sở hoặc thực hiện các báo cáo thống kê định kỳ. Công chức thống kê cấp xã thường xuyên thay đổi gây khó khăn cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, cũng như tổ chức chỉ đạo các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê trên địa bàn.

### 1.2. Thực hiện công tác chuyên môn

Việc phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê giữa hệ thống thống kê của bộ, ngành Trung ương và sở, ngành địa phương với Tổng cục Thống kê còn nhiều hạn chế, nhiều khi chưa kịp thời, đặc biệt vào những thời điểm gấp rút, cần thông

<sup>15</sup> Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Quốc phòng; Bộ Ngoại giao; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban dân tộc; Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

tin nhanh, chi tiết. Mặc dù Tổng cục Thống kê đã ký nhiều quy chế chia sẻ thông tin với các bộ, ngành nhưng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn thủ công, chậm nên chưa đáp ứng kịp thời cho báo cáo hàng tháng, quý, năm.

Công tác phân tích và dự báo được tăng cường nhưng chủ yếu vẫn là mô tả số liệu. Thông tin thu được qua các cuộc điều tra nhiều nhưng các báo cáo phân tích chuyên đề, chuyên sâu còn hạn chế về số lượng và chất lượng; chủ yếu dừng lại ở việc cung cấp số liệu. Chưa sử dụng nhiều các công cụ, mô hình phân tích trong công tác phân tích và dự báo thống kê.

Một số chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa được thu thập, tổng hợp và công bố do còn thiếu phương pháp luận, nguồn thông tin đầu vào và nguồn lực. Trong số 186 chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định trong Luật Thống kê năm 2015, còn 67 chỉ tiêu mới thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ, 9 chỉ tiêu chưa thu thập và tổng hợp<sup>16</sup>.

Công tác thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ở một số địa phương vẫn còn hạn chế, chưa đầy đủ so với nhu cầu thông tin của lãnh đạo các địa phương trong bối cảnh mới.

Việc chấp hành Luật Thống kê và các chế độ báo cáo thống kê, điều tra thống kê của một số đơn vị cơ sở chưa nghiêm, chưa phối hợp và cung cấp đầy đủ thông tin thống kê theo yêu cầu và thời gian quy định.

### 1.3. Cơ sở hạ tầng và kinh phí cho hoạt động thống kê

Hạ tầng về công nghệ thông tin mặc dù đã được đầu tư nâng cấp nhưng hiện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về dữ liệu bảo mật, an toàn an ninh hệ thống, nhất là khi thực hiện các cuộc Tổng điều tra cũng như kết nối với các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành và địa phương; chưa xây dựng được hệ thống dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, thống nhất; chưa xây dựng được hệ thống thông tin phục vụ chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tần suất nhanh.

Nhiều Chi cục Thống kê hiện đang làm việc nhờ trong các khu liên cơ của UBND huyện và chưa có trụ sở làm việc riêng.

Đơn giá ngày công thuê điều tra viên thấp so với mức lương tối thiểu của lao động trên địa bàn nên rất khó khăn để thuê được điều tra viên có trình độ, năng lực và công cụ theo yêu cầu, đặc biệt tại các vùng đô thị, khu kinh tế có mức thu nhập bình quân đầu người cao. Theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, lương tối thiểu vùng I là 4.420.000 đồng/tháng (khoảng 201.000 đồng/ngày) vùng II là 3.920.000 đồng/tháng (khoảng 178.000 đồng/ngày), trong khi đơn giá ngày công tối đa có thể trả cho điều tra viên là 159.000 đồng/ngày. Thậm chí đơn giá này còn thấp hơn đơn giá lao động phổ thông trên địa bàn.

<sup>16</sup> Trong 67 chỉ tiêu đã được thu thập, tổng hợp và công bố một số phân tổ, Tổng cục Thống kê thực hiện 36 chỉ tiêu và Bộ, ngành thực hiện 31 chỉ tiêu. Trong 09 chỉ tiêu chưa được thu thập, tổng hợp, Tổng cục Thống kê còn 07 chỉ tiêu và Bộ, ngành còn 02 chỉ tiêu. Hiện tại, còn Bộ Ngoại giao chưa ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và chế độ báo cáo thống kê.

## 2. Nguyên nhân

Những hạn chế và bất cập trong hoạt động thống kê của hệ thống thống kê nhà nước nêu trên do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

(1) Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác thống kê còn chưa đầy đủ, có lúc có nơi còn xem nhẹ; một số bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm đến nghiệp vụ thống kê, chưa thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo thống kê.

(2) Một số bộ, ngành và địa phương chưa thường xuyên quan tâm và sử dụng số liệu thống kê, chỉ quan tâm khi đánh giá cuối năm hoặc cuối nhiệm kỳ nên ảnh hưởng đến chất lượng công tác thống kê, số liệu và thông tin thống kê. Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm ở một số địa phương chưa sát năng lực hiện có, tạo áp lực “tiêu cực” trong thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

(3) Phương pháp luận thống kê chưa theo kịp sự đổi mới và nhu cầu thực tế trong quá trình chỉ đạo, điều hành ở các cấp.

(4) Tổ chức, bộ máy thống kê ở một số bộ, ngành chưa được hoàn thiện. Nhân lực làm công tác thống kê tại bộ, ngành ở trung ương và sở, ngành ở địa phương mỏng, không ổn định, chủ yếu kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.

(5) Cơ sở vật chất cần thiết và kinh phí cho công tác thống kê còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu thực hiện công việc.

(6) Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thống kê chưa hiệu quả; ý thức chấp hành pháp luật thống kê của một bộ phận doanh nghiệp và người dân chưa nghiêm, chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê chưa đủ mạnh để tạo sự răn đe.

## III. NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

### 1. Nhiệm vụ trong thời gian tới

Để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thống kê nhà nước trong thời gian tới, Thống kê Việt Nam xác định cần khắc phục những hạn chế nêu trên, đồng thời thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021, trước mắt tập trung vào các nội dung sau:

#### ***1.1. Hoàn thiện các văn bản pháp luật phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê***

Trên cơ sở Luật Thống kê năm 2015, Luật Thống kê sửa đổi và các văn bản có liên quan, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật, trình cấp có thẩm quyền ban hành đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho thu thập, tổng hợp, biên soạn và công bố thông tin thống kê gồm:

- Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP).

- Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; Quy định về chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành.

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành; hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Tăng cường vai trò điều phối của cơ quan Thống kê Trung ương thông qua việc xây dựng các chương trình thống kê và thẩm định theo quy định của pháp luật hiện hành.

### ***1.2. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu thống kê***

- Cập nhật và hoàn thiện các phương pháp, hình thức thu thập thông tin đầu vào, đặc biệt chú trọng đến việc khai thác, sử dụng thông tin thống kê từ dữ liệu hành chính của các bộ, ngành và đẩy mạnh nghiên cứu các hình thức thu thập thông tin mới như dữ liệu lớn, dữ liệu mở.

- Rút ngắn thời gian thu thập, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê nhằm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành và địa phương trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Hình thành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất, trong đó ưu tiên xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của các cấp các ngành.

### ***1.3. Tăng cường công tác bảo đảm và phổ biến thông tin thống kê***

- Chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình chính trị, kinh tế trên thế giới; tình hình kinh tế - xã hội nổi bật trong nước từ đó xác định nhu cầu sử dụng thông tin để kịp thời biên soạn và cung cấp thông tin thống kê phù hợp với nhu cầu của người dùng tin trong nước và quốc tế.

- Cập nhật kịp thời các thông tin, kịch bản tăng trưởng kinh tế, lạm phát, đặc biệt là công tác phân tích dự báo, phân tích chuyên sâu về mô hình tăng trưởng, hoạt động kinh tế mới để phục vụ kịp thời, hiệu quả hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp công tác trong hoạt động thống kê, chia sẻ thông tin thống kê giữa các bộ, ngành và địa phương với Tổng cục Thống kê, ngược lại trong việc sản xuất, cung cấp, phổ biến và chia sẻ thông tin thống kê nhằm tạo ra hệ thống thông tin thống kê đồng bộ, thống nhất, thông suốt và hiệu quả giữa hệ thống thống kê tập trung với thống kê bộ, ngành và địa phương.

- Tổng cục Thống kê thực hiện tốt chức năng cơ quan điều phối hoạt động thống kê quốc gia, hỗ trợ bộ, ngành trong việc nâng cao năng lực sản xuất và chia sẻ, công bố thông tin thống kê.

- Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê; đẩy mạnh hình thức trực quan hóa dữ liệu. Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê.

#### ***1.4. Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê***

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê; nghiên cứu phương pháp thống kê mới, hiện đại nhằm giảm thiểu bỏ sót thông tin, quan tâm đến các chỉ tiêu đánh giá chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, các chỉ tiêu giám sát, đánh giá quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê bao gồm quy trình chung và các quy trình chi tiết phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê làm cơ sở để thực hiện tự liệu hóa và đánh giá chất lượng thông tin thống kê.

#### ***1.5. Hoàn thiện mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê***

- Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung theo hướng đổi mới, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu thông tin thống kê các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện tổ chức thống kê của bộ, ngành đáp ứng yêu cầu và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng bộ, ngành; tăng cường nhân lực làm công tác thống kê của bộ, ngành và tại các sở, ngành địa phương; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác thống kê; quan tâm thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức làm công tác thống kê của bộ, ngành và địa phương.

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu; nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương; tăng cường hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng.

- Phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin.

- Sử dụng đúng quy định, có hiệu quả, trọng tâm, tránh dàn trải nguồn kinh phí trong triển khai các hoạt động thống kê, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng hạ tầng phục vụ hoạt động thống kê.

#### ***1.6. Tăng cường tuyên truyền; kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê***

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức thống kê đến Lãnh đạo chủ chốt ở địa phương, nhất là phương pháp thống kê.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

## **2. Đề xuất, kiến nghị**

Để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả công tác thống kê nhà nước trong thời gian tới và có thể đạt được mục tiêu đến năm 2030, Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới được đề ra trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đề xuất, kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương một số nội dung sau:

### **2.1. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

- Ban hành Quyết định sửa đổi cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê tại Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trong tháng 3/2022 (theo Đề án Tổng cục Thống kê đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư) theo hướng không thành lập Chi cục Thống kê khu vực (đổi tên Chi cục Thống kê cấp huyện thành Phòng Thống kê cấp huyện theo đơn vị hành chính) để hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phục vụ thông tin thống kê các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Đồng ý nâng cấp 2 Trường Cao đẳng Thống kê thuộc Tổng cục Thống kê thành Trường Đại học Thống kê để đào tạo nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho hơn 20 ngàn nhân lực làm công tác thống kê (thống kê tập trung, thống kê bộ, ngành, thống kê sở, ngành và công chức thống kê cấp xã) theo Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đồng ý chủ trương xây dựng, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo cho hoạt động thống kê nhà nước; ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung, kết nối dữ liệu của các bộ, ngành và địa phương.

- Sớm ban hành mã số của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đơn vị thường trú trong nền kinh tế Việt Nam làm nền tảng kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia nói chung và cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia nói riêng.

### **2.2. Đề xuất, kiến nghị với bộ, ngành**

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin đầu vào cho Tổng cục Thống kê để biên soạn số liệu, báo cáo kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, năm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện tổ chức thống kê đáp ứng yêu cầu và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng bộ, ngành.

- Tăng cường nhân lực làm công tác thống kê của bộ, ngành; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức làm công tác thống kê.

- Quan tâm thực hiện chế độ phụ cấp, ưu đãi nghề đối với công chức làm công tác thống kê của bộ, ngành.

- Bộ Nội vụ sớm hướng dẫn các Bộ, ngành ban hành Thông tư Vị trí việc làm chuyên ngành trong năm 2022 để các bộ, ngành tổ chức thi tuyển công chức, viên chức đảm bảo số lượng, chất lượng và chỉ tiêu biên chế.

- Bộ Tài chính:

+ Cân đối, bảo đảm đủ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác thống kê nhà nước.

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, hoàn thiện căn cứ pháp lý làm cơ sở pháp lý cho việc lập dự toán ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ thực hiện các hoạt động thống kê nhà nước.

+ Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho các hoạt động thống kê nhà nước.

### ***2.3. Đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương***

- Tiếp tục quan tâm, sử dụng số liệu, kết quả điều tra thống kê một cách thống nhất; đồng thời và quan tâm chỉ đạo, triển khai các hoạt động thống kê ở địa phương.

- Chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện tích cực chia sẻ dữ liệu hành chính cho Cục Thống kê nhằm khai thác hiệu quả dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê nhà nước.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin đầu vào cho Tổng cục Thống kê để biên soạn số liệu, báo cáo kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, năm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phân công cụ thể cho các sở, ngành thực hiện Khung đánh giá chỉ tiêu kinh tế, xã hội hàng năm theo Quyết định số 288/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.



- Tiếp tục củng cố nhân lực làm thống kê tại sở, ban, ngành, cấp xã đáp ứng yêu cầu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của sở, ban, ngành và chức danh công chức thuộc UBND cấp xã; hằng năm tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức làm công tác thống kê tại sở, ban, ngành, xã, phường, thị trấn./.

**Phụ lục 1.**  
**SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  
(Tính đến 31 tháng 12 năm 2021)

DVT: Người

TT	Đơn vị	Biên chế giao 2021	Số công chức, viên chức	Trong đó				Ngạch công chức						Trình độ đào tạo															Chia theo độ tuổi						Trên tuổi nghỉ hưu								
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc ít người	Tôn giáo	TKVCC và TĐ	TKVC và TĐ	TKV và TĐ	TKVCD và TĐ	TKVTC và TĐ	Nhân viên	Chuyên môn						Lý luận chính trị				Tin học		Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		Chứng chỉ tiếng dân tộc	Quản lý nhà nước			Dưới 30	Từ 30 đến 40	Từ 41 đến 50		Từ 51-60							
														Tiền sỹ		Thạc sỹ		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp		Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp		Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ					Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)	CV cao cấp	CV chính	Chuyên viên	Tổng số	Trong đó	
														Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số	Thống kê	Tổng số																		Tổng số	Nam 59
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
1	CTK	5138	4667	2403	3789	386	115	1	527	3490	284	358	7	0	0	550	78	3890	767	95	53	129	67	3	24	588	1660		214	4337	68	4437		16	1456	2889	271	2330	1390	676	72	19	
2	Khối TW	322	265	148	148	2	1	2	145	113	0	0	5	5	4	111	21	144	22	0	0		0	5	2	48	17		12	228	26	218		12	141	73	7	105	128	25	4	0	
3	ĐVSN	346	234	124	137	7		0	13	209	2	6	4	9	3	111	8	105	5	3	0	5	1	3	0	23	28		70	155	23	188		0	63	128	10	110	84	30	6	1	
	Trong đó, Nhà Xuất bản Thống kê:	32	21	9	13			0	2	15	1		3			5		12		1			3		4			1	5	2	16			3		0	4	12	5	0	0		
	<b>Công chức TCTK</b>	<b>5460</b>	<b>4932</b>	<b>2551</b>	<b>3937</b>	<b>388</b>	<b>116</b>	<b>3</b>	<b>672</b>	<b>3603</b>	<b>284</b>	<b>358</b>	<b>12</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>661</b>	<b>99</b>	<b>4034</b>	<b>789</b>	<b>95</b>	<b>53</b>	<b>129</b>	<b>67</b>	<b>8</b>	<b>26</b>	<b>636</b>	<b>1677</b>	<b>0</b>	<b>226</b>	<b>4565</b>	<b>94</b>	<b>4655</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>1597</b>	<b>2962</b>	<b>278</b>	<b>2435</b>	<b>1518</b>	<b>701</b>	<b>76</b>	<b>19</b>	
	<b>Công chức, viên chức TCTK</b>	<b>5806</b>	<b>5166</b>	<b>2675</b>	<b>4074</b>	<b>395</b>	<b>116</b>	<b>3</b>	<b>685</b>	<b>3812</b>	<b>286</b>	<b>364</b>	<b>16</b>	<b>14</b>	<b>7</b>	<b>772</b>	<b>107</b>	<b>4139</b>	<b>794</b>	<b>98</b>	<b>53</b>	<b>134</b>	<b>68</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>659</b>	<b>1705</b>	<b>0</b>	<b>296</b>	<b>4720</b>	<b>117</b>	<b>4843</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>1660</b>	<b>3090</b>	<b>288</b>	<b>2545</b>	<b>1602</b>	<b>731</b>	<b>82</b>	<b>20</b>	

**Phụ lục 2.****DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP,  
TỔNG HỢP VÀ CÔNG BỐ ĐẦY ĐỦ THEO PHÂN TỔ**

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện</b>
1	0101	Diện tích và cơ cấu đất	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	0209	Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	Văn phòng Quốc hội
3	0211	Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền	Bộ Nội vụ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
4	0608	Dư nợ của Chính phủ	Bộ Tài chính
5	0609	Dư nợ nước ngoài của quốc gia	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
6	0610	Dư nợ công	Bộ Tài chính
7	0701	Tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
8	0702	Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
9	0703	Số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
10	0704	Dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
11	0705	Tốc độ tăng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
12	0706	Lãi suất	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
13	0707	Cán cân thanh toán quốc tế	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
14	0710	Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Đồng Việt Nam (VND) với Đô la Mỹ (USD)	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện</b>
15	0711	Tổng thu phí, chi trả bảo hiểm	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
16	0712	Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
17	0713	Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
18	0714	Thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
19	0909	Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp	- Chủ trì: Bộ Công thương; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
20	1106	Chỉ số giá xây dựng	- Chủ trì: Bộ Xây dựng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
21	1301	Doanh thu bưu chính, chuyển phát	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
22	1302	Sản lượng bưu chính, chuyển phát	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
23	1304	Số lượng thuê bao điện thoại	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
24	1307	Số lượng thuê bao truy nhập Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
25	1309	Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử	Bộ Công thương
26	1310	Dung lượng kết nối Internet quốc tế bình quân một trăm dân	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện</b>
27	1401	Số tổ chức khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
28	1402	Số người trong các tổ chức khoa học và công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
29	1403	Số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
30	1407	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Chủ trì: Bộ Khoa học và Công nghệ; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính.
31	1501	Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo
32	1502	Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học	Bộ Giáo dục và Đào tạo
33	1605	Tỷ lệ trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Bộ Y tế
34	1606	Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi suy dinh dưỡng	Bộ Y tế
35	1804	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Bộ Xây dựng
36	1901	Số vụ tai nạn giao thông; số người chết, bị thương do tai nạn giao thông	Bộ Công an
37	1902	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại	Bộ Công an
38	1903	Số vụ án, số bị can đã khởi tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
39	1904	Số vụ án, số bị can đã truy tố	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
40	1907	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện</b>
41	1908	Kết quả thi hành án dân sự	Bộ Tư pháp
42	2001	Diện tích rừng hiện có	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
43	2003	Tỷ lệ che phủ rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
44	2005	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
45	2006	Diện tích đất bị thoái hoá	Bộ Tài nguyên và Môi trường
46	2008	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

**Phụ lục 3.**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA  
ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP, TỔNG HỢP VÀ CÔNG BỐ MỘT SỐ PHẦN TỬ**

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện</b>
1	0113	Số trường hợp tử vong được đăng ký khai tử	- Chủ trì: Bộ Tư pháp; - Phối hợp: Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Y tế.
2	0208	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	Ban Tổ chức Trung ương Đảng
3	0210	Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân	Bộ Nội vụ
4	0601	Thu và cơ cấu thu ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
5	0604	Chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
6	0606	Bội chi ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
7	0709	Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam và Việt Nam ra nước ngoài	- Chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Phối hợp: Bộ Tài chính.
8	1004	Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Bộ Công thương
9	1005	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
10	1006	Mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu	- Chủ trì: Bộ Tài chính; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
11	1204	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng	Bộ Giao thông vận tải
12	1205	Số lượng, năng lực bốc xếp hiện có và mới tăng của cảng thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải

<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện</b>
13	1206	Số lượng, năng lực vận chuyển hiện có và mới tăng của cảng hàng không	Bộ Giao thông vận tải
14	1303	Doanh thu viễn thông	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
15	1305	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
16	1306	Tỷ lệ người sử dụng Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
17	1308	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	- Chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
18	1404	Số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ	Bộ Khoa học và Công nghệ
19	1503	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông	- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
20	1601	Số bác sĩ, số giường bệnh trên mười nghìn dân	Bộ Y tế
21	1607	Số ca hiện nhiễm HIV được phát hiện trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
22	1608	Số ca tử vong do HIV/AIDS được báo cáo hàng năm trên một trăm nghìn dân	Bộ Y tế
23	1701	Số di sản văn hóa cấp quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch



<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện</b>
24	1702	Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
25	1704	Số lượt người nước ngoài đến Việt Nam	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
26	1705	Số lượt người Việt Nam ra nước ngoài	- Chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Phối hợp: Tổng cục Thống kê.
27	1706	Số lượt khách du lịch nội địa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
28	1905	Số vụ, số người phạm tội đã bị kết án	Tòa án nhân dân tối cao
29	2002	Diện tích rừng được bảo vệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
30	2004	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
31	2007	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Phối hợp: Bộ Công thương; Bộ Y tế.

**Phụ lục 4.**

**CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC THỐNG KÊ THUỘC SỞ, BAN NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG**

STT	Tỉnh, Thành phố	Số lượng công chức làm công tác thống kê												
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại					Kiêm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại				
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hà Nội	21	4			4			17			8	9	
2	Vĩnh Phúc	45							45			34	11	
3	Bắc Ninh	36							36			16	20	
4	Quảng Ninh	44							44			26	18	
5	Hải Dương	29							29	0	0	17	12	
6	Hải Phòng	41	3			1	2		38	1	1	23	13	
7	Hưng Yên	80							80			63	17	
8	Thái Bình	53							53			50	3	
9	Hà Nam	42	1			1			41			34	7	
10	Nam Định	23	0						23	0	1	18	4	
11	Ninh Bình	35	1	0	0	1	0	0	34	1	0	19	14	
12	Hà Giang	28	1	1	0	0	0	0	27	0	0	24	3	
13	Cao Bằng	26	9	0	0	8	1	0	17	0	0	14	3	
14	Bắc Kạn	45	9	0	0	4	5		36		1	33	2	
15	Tuyên Quang	36							36			24	12	
16	Lào Cai	31	5	0	0	2	3	0	26	0	0	22	4	
17	Yên Bái	37	2			1	1		35			27	8	
18	Thái Nguyên	26	2			1	1		24			15	9	
19	Lạng Sơn	54	2		1	1			52	1	0	37	14	
20	Bắc Giang	38	1			1			37			23	14	
21	Phú Thọ	48	1			1			47			28	18	1
22	Điện Biên	24	5			4	1		19			18	1	
23	Lai Châu	35	4	0	0	3	1	0	31	0	0	29	2	0
24	Sơn La	39	6			4	2		33	1	1	22	9	
25	Hoà Bình	47	5			4	1		42			27	15	

STT	Tỉnh, Thành phố	Số lượng công chức làm công tác thống kê												
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại					Kiêm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại				
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
26	Thanh Hoá	19	2	0	0	1	1	0	17	0	0	11	6	0
27	Nghệ An	63	5	0	0	1	4	0	58	0	0	42	16	0
28	Hà Tĩnh	39	0	0	0	0	0	0	39	0	0	27	12	
29	Quảng Bình	25	7			3	4		18			7	11	
30	Quảng Trị	35	3			2	1		32			14	18	
31	Thừa Thiên - Huế	45	5	0	0	3	2	0	40	0	0	30	9	1
32	Đà Nẵng	34	6	1	0	4	0	1	28	0	0	15	12	1
33	Quảng Nam	20	4	0	0	3	1	0	16	0	0	12	4	0
34	Quảng Ngãi	32	2	0	0	2	0	0	30	0	0	21	9	0
35	Bình Định	79	4	0	0	2	2	0	75	0	0	56	19	0
36	Phú Yên	28	3			3			25			20	5	
37	Khánh Hoà	20	1			1			19			13	6	
38	Ninh Thuận	30	3	0	0	2	1	0	27	0	0	20	7	0
39	Bình Thuận	60	1			1			59		1	50	8	
40	Kon Tum	40	1			1			39	0	1	30	8	
41	Gia Lai	30	2	0	0	2	0	0	28	0	0	24	4	0
42	Đắk Lắk	42	5			3	2		37			29	7	1
43	Đắk Nông	63	11	0	0	10	1	0	52	1	0	44	7	0
44	Lâm Đồng	47							47			36	11	
45	Bình Phước	16	4		1	3			12			9	3	
46	Tây Ninh	35	5	0	0	4	1	0	30	0	0	19	11	0
47	Bình Dương	27	2			2			25			18	7	
48	Đồng Nai	22							22	1		16	5	
49	Bà Rịa-Vũng Tàu	48	0	0	0	0	0	0	48	0	0	48	0	0
50	TP, Hồ Chí Minh	58	2			2			56			56		
51	Long An	30							30			23	7	
52	Tiền Giang	42	0						42			32	10	
53	Bến Tre	27	6			4	2		21			17	4	

STT	Tỉnh, Thành phố	Số lượng công chức làm công tác thống kê												
		Tổng số	Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại					Kiêm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại				
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
54	Trà Vinh	27	5	0	0	2	3	0	22	0	0	18	4	0
55	Vĩnh Long	18	1			1			17			8	9	
56	Đồng Tháp	75							75	1	0	60	14	0
57	An Giang	20	3	0	0	2	1	0	17	0	0	12	5	0
58	Kiên Giang	46							46		1	33	12	
59	Cần Thơ	25	2	0	0	1	1	0	23	0	0	14	9	0
60	Hậu Giang	48	3			2	1		45		1	33	11	
61	Sóc Trăng	35	4			3	1		31			24	7	
62	Bạc Liêu	48	4	0	0	4	0	0	44	0	0	37	7	0
63	Cà Mau	17	0	0	0	0	0	0	17	0	0	14	3	0
	<b>Tổng số</b>	<b>2378</b>	<b>167</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>115</b>	<b>47</b>	<b>1</b>	<b>2211</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>1643</b>	<b>549</b>	<b>4</b>

**Phụ lục 5.**

**VIÊN CHỨC LÀM CÔNG TÁC THỐNG KÊ THUỘC SỞ, BAN NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG**

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Số lượng viên chức làm công tác thống kê											
			Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại					Kiêm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại				
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hà Nội	2	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Vĩnh Phúc	17	0	0	0	0	0	0	17	0	0	15	2	0
3	Bắc Ninh	8							8			6	2	
4	Quảng Ninh	0												
5	Hải Dương	6							6	0	0	5	1	
6	Hải Phòng	10	1	0	0	1	0	0	9	1	1	6	1	0
7	Hưng Yên	3							3	0	0	2	1	0
8	Thái Bình	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	1	0
9	Hà Nam	27	0	0	0	0	0	0	27	0	0	20	7	0
10	Nam Định	47	1	0	0	1	0	0	46	2	9	28	6	
11	Ninh Bình	10	0	0	0	0	0	0	10	0	0	10	0	
12	Hà Giang	22	8	0	2	6	0	0	14	0	0	14	0	
13	Cao Bằng	47	6	0	0	6	0	0	41	5	4	31	1	
14	Bắc Kạn	36	8	0	0	5	3	0	28	2	1	21	2	
15	Tuyên Quang	13	0	0	0		0	0	13	0	0	10	3	
16	Lào Cai	9	2	0	0	2	0	0	7	0	0	5	2	
17	Yên Bái	9	0	0	0	0	0	0	9	0	0	6	3	
18	Thái Nguyên	10	0	0	0	0	0	0	10	0	0	7	3	0
19	Lạng Sơn	5	0	0	0	0	0	0	5	0	0	4	1	0
20	Bắc Giang	27	3	0	0	3	0	0	24	1	3	16	4	0
21	Phú Thọ	25	2	0	0	0	2	0	23	0	1	11	11	0
22	Điện Biên	26	0	0	0	0	0	0	26	0	1	22	3	0
23	Lai Châu	3	1	0	0	1	0	0	2	0	0	2	0	0
24	Sơn La	84	32	7	0	21	2	2	52	11	8	27	4	2
25	Hoà Bình	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Số lượng viên chức làm công tác thống kê												
			Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại					Kiêm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại					
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
26	Thanh Hoá	5	4	0	0	4	0	0	1	0	0	0	1	0	
27	Nghệ An	168	17	0	4	7	6	0	151	4	0	70	77	0	
28	Hà Tĩnh	27	0	0	0	0	0	0	27	0	0	20	7	0	
29	Quảng Bình	15	3	0	0	2	1	0	12	0	0	7	5	0	
30	Quảng Trị	15	3	0	0	2	1	0	12	0	0	11	1	0	
31	Thừa Thiên - Huế	4	0	0	0	0	0	0	4	0	0	2	2	0	
32	Đà Nẵng	15	0	0	0	0	0	0	15	0	0	11	4	0	
33	Quảng Nam	15	2	0	0	2	0	0	13	0	0	10	3	0	
34	Quảng Ngãi	24	0	0	0	0	0	0	24	0	0	19	5	0	
35	Bình Định	28	7	0	0	6	1	0	21	0	0	14	7	0	
36	Phú Yên	45	1	0	0	1	0	0	44	2	11	25	5	1	
37	Khánh Hoà	41	4	3	1	0	0	0	37	5	4	23	5	0	
38	Ninh Thuận	7	0	0	0	0	0	0	7	0	1	5	1	0	
39	Bình Thuận	16	4	0	0	4	0	0	12	0	3	7	2	0	
40	Kon Tum	8	0	0	0	0	0	0	8	0	0	6	2	0	
41	Gia Lai	0		Không có viên chức làm Thống kê											
42	Đắk Lắk	9	1	0	0	1	0	0	8	0	0	8	0	0	
43	Đắk Nông	23	1	0	0	1	0	0	22	1	2	18	1	0	
44	Lâm Đồng	8	0	0	0	0	0	0	8	0	0	6	2	0	
45	Bình Phước	14	1	0	0	1	0	0	13	0	0	12	1	0	
46	Tây Ninh	15	2	0	0	2	0	0	13	0	0	11	2	0	
47	Bình Dương	1							1			1			
48	Đồng Nai	10	1	0	0	1	0	0	9	0		8	1		
49	Bà Rịa-Vũng Tàu	0													
50	TP, Hồ Chí Minh	12	2	0	0	2	0	0	10	0	0	9	1	0	
51	Long An	0		Không có viên chức làm Thống kê											
52	Tiền Giang	27	1	0	0	1	0	0	26	1	0	16	9	0	
53	Bến Tre	25	6	1	1	3	1	0	19	4	1	13	1	0	
54	Trà Vinh	8	2	0	0	2	0	0	6	1	0	4	1	0	

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Số lượng viên chức làm công tác thống kê												
			Chuyên trách	Chia theo trình độ hiện tại					Kiêm nhiệm	Chia theo trình độ hiện tại					
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
55	Vĩnh Long	0		Không có viên chức làm Thống kê											
56	Đồng Tháp	40	3	3		0	0	0	37	5	4	23	5	0	
57	An Giang	0	0	Không có viên chức làm Thống kê											
58	Kiên Giang	6	0	0	0	0	0	0	6	0	1	4	1	0	
59	Cần Thơ	40	4	0	0	4	0	0	36	0	0	30	6	0	
60	Hậu Giang	20	0	0	0	0	0	0	20	0	0	16	4	0	
61	Sóc Trăng	13	1	0	0	0	1	0	12	0	0	10	2	0	
62	Bạc Liêu	25	4	0	2	1	1	0	21	1	1	15	4	0	
63	Cà Mau	32	0	0	0	0	0	0	32	5	4	20	3	0	
	<b>Tổng số</b>	<b>1211</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>10</b>	<b>95</b>	<b>19</b>	<b>2</b>	<b>1071</b>	<b>51</b>	<b>60</b>	<b>725</b>	<b>229</b>	<b>3</b>	

**Phụ lục 6.**  
**CÔNG CHỨC THỐNG KÊ XÃ**

STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Chia theo trình độ hiện tại				
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	<i>l</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
1	Hà Nội	554	26	2	489	37	0
2	Vĩnh Phúc	136	15	6	115	0	0
3	Bắc Ninh	126	5	3	112	6	0
4	Quảng Ninh	177	24	3	150	0	0
5	Hải Dương	0					
6	Hải Phòng	0					
7	Hưng Yên	0					
8	Thái Bình	260	21	58	181	0	0
9	Hà Nam	109	4	1	102	2	0
10	Nam Định	226	49	13	161	2	1
11	Ninh Bình	143	2	5	132	4	0
12	Hà Giang	186	28	13	145	0	0
13	Cao Bằng	170	26	12	131	1	0
14	Bắc Kạn	108	2	2	104	0	0
15	Tuyên Quang	138	19	18	99	2	0
16	Lào Cai	152	8	9	135	0	0
17	Yên Bái	173	29	16	127	1	0
18	Thái Nguyên	178	5	2	168	3	0
19	Lạng Sơn	200	67	19	114	0	0
20	Bắc Giang	209	11	5	186	6	1
21	Phú Thọ	227	32	6	186	2	1
22	Điện Biên	190	28	19	142	1	0
23	Lai Châu	106	27	11	68	0	0
24	Sơn La	204	44	34	125	1	0
25	Hoà Bình	151	11	8	128	4	0
26	Thanh Hoá	557	38	10	504	5	0
27	Nghệ An	461	34	21	391	15	0
28	Hà Tĩnh	225	17	7	198	3	0
29	Quảng Bình	151	17	4	126	4	0
30	Quảng Trị	131	7	3	118	3	0
31	Thừa Thiên - Huế	141	11		128	2	0
32	Đà Nẵng	56	2	1	48	5	0
33	Quảng Nam	241	14	5	213	9	0
34	Quảng Ngãi	173	44	6	121	2	0
35	Bình Định	159	27	2	126	3	1
36	Phú Yên	111	2	4	105	0	0
37	Khánh Hoà	137	31	13	92	0	1
38	Ninh Thuận	65	5	2	58	0	0
39	Bình Thuận	124	7	6	111	0	0
40	Kon Tum	105	12	1	92	0	0
41	Gia Lai	222	16	23	181	2	0
42	Đắk Lắk	183	42	6	125		10



STT	Tỉnh, Thành phố	Tổng số	Chia theo trình độ hiện tại				
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Khác
(A)	(B)	1	3	4	5	6	7
43	Đắk Nông	71	5	0	65	1	0
44	Lâm Đồng	142	19	2	120	1	0
45	Bình Phước	111	14	4	91	2	0
46	Tây Ninh	94	4	0	90	0	0
47	Bình Dương	91	8	0	77	4	2
48	Đồng Nai	169	9	8	149	2	1
49	Bà Rịa-Vũng Tàu	88	2	1	85	0	0
50	TP, Hồ Chí Minh	312	13	4	295	0	0
51	Long An	188	18	5	163	2	0
52	Tiền Giang	172	41	7	121	3	0
53	Bến Tre	157	27	6	123	1	0
54	Trà Vinh	106	0	2	102	2	0
55	Vĩnh Long	107	15	1	90	1	0
56	Đồng Tháp	143	7	7	124	1	4
57	An Giang	156	12	4	138	2	0
58	Kiên Giang	144	29	7	108	0	0
59	Cần Thơ	83	5	0	75	3	0
60	Hậu Giang	75	5	0	70	0	0
61	Sóc Trăng	109	3	0	105	1	0
62	Bạc Liêu	64	2	0	62	0	0
63	Cà Mau	103	3	0	99	1	0
	<b>Tổng số</b>	<b>10050</b>	<b>1050</b>	<b>437</b>	<b>8389</b>	<b>152</b>	<b>22</b>